

Sự tích Visàkhà, vị nữ đại Hộ Pháp thời Đức Phật
Nguyễn Điều (1994)

Phần 1

Lời nói đầu

Đức Phật, khi sinh tiền, có hai Đại đệ tử tại gia, hộ trì Tăng Già nòng cốt nhất, là thiện nam Anàthapindika (Tu Đà Cấp Cô Độc) và tín nữ Visàkhà (Nguyệt Trang Đài). Câu chuyện ông bá hộ Cấp Cô Độc đã được soạn giả dịch xong, ấn tống vào mùa Vu Lan 1993. Bây giờ đến lượt sự tích bà Visàkhà, để hoàn tất công tác dịch soạn ra Việt ngữ cuộc đời đôi nam nữ đại ân nhân của đạo Phật.

Đối với các hàng thiện tín "Phật Giáo Nguyên Thủy", cái tên Visàkhà không phải là một "nhân vật" xa lạ, nhưng đối với chư Phật tử các môn phái khác thì cái tên này chưa được nhắc đến cho lắm!

Và để tập sách được phổ biến rộng rãi hơn, chúng tôi đã cố ý làm cho soạn phẩm ít về "kinh sách Nguyên Thủy". Đặc biệt là cách dùng từ ngữ, và chuyển hóa một số tên ra tiếng Việt. Các Phật tử "Bắc tông", khi nhìn danh từ riêng Pàli "Visàkhà", có lẽ sẽ do dự trong việc phát âm. Vì vậy, soạn giả mạo muội dịch tên "Visàkhà" ra là "Nguyệt Trang Đài" (hay gọi tắt: "Nguyệt Trang").

Lý do chọn các chữ "Nguyệt Trang Đài" xin được trình bày như sau:

Từ ngữ "Visàkhà", tuy nghĩa thật là "Nét đẹp tháng Năm", nhưng khi nó được dùng để đặt tên người, thì có thể trùng nghĩa với chữ "Vesakha", một đơn vị thời gian, nằm giữa hai tháng là tháng Tư và tháng Năm Dương lịch. Các quốc gia theo hệ thống Phật giáo Nam Truyền, như Ai Lao, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện, Népal, Ấn Độ, Tích Lan v.v... thường gọi khoảng thời gian ấy (nhằm tháng Tư Âm lịch) là tháng "Vesak". Vàng trăng rằm của tháng "Vesak" tuyệt đẹp. Vì trong khoảng thời gian này, bầu trời rất trong, khí hậu ấm áp. Và lại, ba ngày lễ lớn của Phật giáo là lễ "Bồ Tát Đản Sanh", "Bồ Tát Thành Đạo", và "Phật Nhập Niết Bàn" cũng trùng vào ngày rằm "Vesak" (hay tháng Tư Âm lịch) vậy. Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam còn gọi ngày rằm tháng Tư là "Lễ Tam Hợp".

Vì các ý nghĩa trên, soạn giả thiết nghĩ từ ngữ "Visàkhà" có thể "Việt hóa" thành "Nguyệt Trang Đài", để diễn tả "đức hạnh của vị nữ đại Hộ pháp thời đức Phật còn tại thế, như một tòa lâu đài chứa đầy ánh sáng dịu hiền, chẳng khác nào ánh sáng tươi mát vô tận, của một đêm trăng rằm không mây". Chúng tôi hy vọng sự "chuyển ngữ" này sẽ không lấy gì làm quá đáng! Ngoài ra, soạn giả cũng đã tra cứu phần "Ngữ căn" và "Văn phạm" của danh từ Pàli "Visàkhà", được in nơi trang chót cuốn "Sự tích Tu-Đà Cấp Cô Độc" đã xuất bản năm 1993.

Quả phước soạn dịch này, chúng tôi kính hồi hướng đến toàn thể dân tộc Việt Nam, nhất là các bậc hữu ân, thầy tổ của soạn giả. Chúng tôi cũng không quên chia đều công quả ấy đến tất cả những ai đã tiếp tay trong việc sưu tầm tài liệu, và tài chánh ấn tống.

Nguyên cho toàn thể nhân loại, chúng sanh đừng oan trái lẫn nhau, cùng mỗi ngày một tiến dần đến ánh sáng giác ngộ, giải thoát.

Nguyễn Điều
Tháng 12-1994

--ooOoo--

[I] Gia Tộc

Tám tháng sau khi Thái tử Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đấng Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (Sammāsambuddha), thành Phật dưới cội cây Bồ Đề, và bắt đầu Chuyển pháp luân (Cakkapavattana-dhamma), gần Bồ Đề đạo tràng (Bodhigaya) và dòng sông Ni Liên (Anoma), rồi Phật dời chân đến Vương Xá thành (Rājagaha) để tiếp độ vua Bình Sa (Bimbisāra) và nhận ngôi vườn trúc của Vương gia, để thành lập tu viện đầu tiên: Trúc Lâm Tịnh Xá (Veluvanavihāra). Thì tại miền "Anga", thuộc châu thổ sông Hằng (Ganga), có một gia đình đại bá hộ tên Mendaka. Mendaka là một phú nhân hiền đức, đời này giàu sang tuyệt bậc là nhờ trong vòng luân hồi tiền kiếp gặp nạn đói, ông đã một lần cúng dường phần thực phẩm sau cùng của gia đình ông, đến một vị Phật Độc Giác (Pacceka-buddha). Do quả lành của sự hy sinh cao quý ấy (tức chiến thắng dễ dàng lòng ích kỷ của mình) mà khi được tái sinh vào phú tộc, Mendaka đã hưởng thụ lắm phước báu phi thường. Một trong những phước báu phi thường ấy là tiền bạc của ông dồi dào như mạch nước. Hễ ông chỉ dùng một, thì lợi tức động sản hay bất động sản sắp đến, lại thu vô gắp mười, không bao giờ hao hụt!

Một hôm, bá hộ Mendaka đến nghe đức Phật thuyết pháp tại Kỳ Viên tịnh xá, do đại Hộ pháp Cấp Cô Độc (Anāthapindika) dâng cúng, gần thành Xá Vệ (Sāvathī) thì một niềm hoan hỷ "thấy được phước quả hiện tiền", bỗng tràn ngập tâm hồn ông. Vì Mendaka đã có một đứa con trai cũng giàu lòng thương người như ông. Cậu công tử này tên Dhanājaya (nghĩa là người biết làm vinh quang của cái, bằng cách đem ra chia sẻ đến kẻ bất hạnh, để thấy xung quanh bớt khổ, thì dạ mình vui lây!). Còn bà bá hộ Mendaka là Sumana Devi, một giai nhân tuyệt sắc, chẳng những rất đẹp về thân thể, mà tâm hồn cũng cao thượng như "Nữ thần bác ái". Nên người đương thời truyền tụng thươ bậy giờ là: Có năm điều đáng ao ước: 1. Làm vua, 2. Giàu sang, 3. Vợ đẹp, 4. Con ngoan, 5. Cả gia đình đều khoẻ mạnh. Thì ông bá hộ Mendaka đã có đến bốn điều hạnh phúc vậy.

Khi Quốc vương Pasenadi (Ba Tư Nặc) của xứ Kosala, nghe lân bang có nhiều hiền nhân quân tử, vương gia yêu cầu vua láng giềng gửi qua thủ đô mình vài nhân vật đầy đủ phúc hạnh, để cho toàn dân nước ông noi gương, thì Mendaka, cùng con trai Dhananjaya, với cả gia đình đã được chọn, để di cư sang làm công dân danh dự nước Kosala và họ đã bỏ tiền của xây dựng toàn thể cơ sở cư xá cho dân cư nguyên một thành phố lấy tên là Sāketa, gần thủ đô Xá Vệ (Sāvathī).

Giống như thân phụ, Dhananjaya nhân nghe một bài pháp, được Phật thuyết sau khi thọ trai tại gia, cậu đã đắc quả Tu Đà Hườn hay quả nhập Thánh Lưu (Sotāpanna). (Quả Tu Đà Hườn là Thánh quả diệt tận ba xiềng xích đầu trong cuộc luân hồi là: 1. Ngã chấp, 2. Hoài nghi, 3. Mê tín).

"Bá hộ con" Dhananjaya sau đó sinh một ái nữ đặt tên là Visākha (Nét đẹp tháng Năm). Cô tiểu thư bá hộ đời thứ ba này, về phương diện phạm hạnh Phật giáo lại được thấm nhuần nhiều hơn thân phụ và nội tổ nữa. Nghĩa là cô đã may mắn chiêm ngưỡng hình ảnh đức Phật và Tăng chúng, ngay từ lúc còn nằm trong nôi. Tuổi thọ và thời niên thiếu

của Visàkhà được tô điểm hằng ngày bằng thiện nghiệp, do cô bắt chước thân phụ, thân mẫu, và ông nội thực hành. Đồng thời cô còn thường xuyên nghe pháp cùng lễ bái, cúng dường đến đức Phật và chư Thánh Hiền Tăng. Đây chính là lý do mà Visàkhà đã đạt Thánh tâm Tu Đà Huần (Sotàpanna) ngay từ lúc còn nhỏ. (Cổ sách viết Visàkhà đắc quả Sotàpanna hồi bảy tuổi, nhưng soạn giả chưa tìm ra kinh điển chánh thống xác nhận, nên không thể nói chắc).

[III] Thanh niên và lấy chồng

Khi Visàkhà khôn lớn, trở thành một giai nhân tuyệt sắc, thì nhằm lúc vị đại điền chủ số một của kinh đô Sàvatthi (Xá Vệ), ông Migàra, muốn tìm một thiếu nữ dung hạnh vẹn toàn, để cưới vợ cho con trai tên Pannavaddhana (tạm dịch là Tuệ Phát).

Ngày kia, Visàkhà cùng nhiều tỷ nữ, trong một cuộc giải trí ngắm cảnh dọc bờ sông, bỗng gặp cơn mưa to, sấm sét nổi lên dữ dội. Tất cả các giai nhân đều hoảng sợ, chạy tán loạn tứ phía, tìm cách tránh mưa. Nhưng Visàkhà cứ bình thản, thông thả bước đi, dường như chẳng quan tâm gì đến khung cảnh mưa sét xung quanh. Một người thân tín của đại điền chủ Migàra thấy vậy, liền đến gần hỏi Visàkhà rằng: "Tại sao cô không nhanh chân chạy trốn mưa, như những thiếu nữ khác, mà lại thung thủng bước đi?" thì được nàng trả lời: "Là một cô gái chưa có gia đình, tôi phải đi tìm kiếm một chàng trai xứng đáng để cưới, nếu không thì sẽ mất đi sự kiều diễm của một tiểu thư. Tôi không muốn tự làm cho mình bị thiệt hại vô ích như thế".

Nghe câu nói ấy, người hỏi lấy làm kính phục. Y vốn là một trong những "sứ giả" của đại điền chủ Migàra, gửi đi khắp nơi để tìm dâu hiền. Y lập tức quay về báo chủ nhân biết, vừa tìm ra một thiếu nữ "mẫu mực", xứng đáng làm dâu nhà Migàra. Sau đó, đại điền chủ Migàra vội nhờ người quý tộc đứng ra làm mai, và được phụ thân của Visàkhà chấp thuận.

Cuộc gặp gỡ của hai gia đình Dhananjaya và Migàra còn được vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) chủ tọa, và tất cả các quan trong triều tham dự trọng thể, nên dĩ nhiên dân chúng trong thành cũng nghênh đón, như lễ đính hôn của một đương kim Công chúa. Kết quả, một thời gian chuẩn bị đám cưới, và hôn lễ kéo dài đến ba tháng. Thân phụ cô dâu, tức bá hộ Dhananjaya, ở địa vị là "Thị trưởng" của thành phố Sàketa (do ông xây cất tặng dân chúng) đã xuất tiền để cả thành phố được trang trí liên hoan. Toàn dân vui chơi theo tiệc tùng, âm nhạc, thể thao, ngoạn cảnh, ca kịch, và lễ bái các bậc Thánh nhân. Mặt khác, nhiều thợ kim hoàn nổi tiếng cũng trở hết tài nghệ, để chế tạo những đồ trang sức thượng hạng cho cô dâu, chú rể. Các thợ may sáng tạo nhất thì tình nguyện "ăn vụng" thật quý phái cho đôi vợ chồng trưởng giả sắp cưới. Còn những đầu bếp khéo léo đã không ngừng nấu những món ăn tuyệt vị, để thết đãi chẳng những các giới vua chúa, quý tộc, nhân sĩ, mà còn dịp để làm khoái khẩu toàn dân. Chưa kể các tay chuyên môn chế tạo nước hoa, mỹ phẩm, các thợ hóa trang, và những tiểu phụ biết tìm ra gỗ tốt, củi thơm, cũng tình nguyện làm việc, để cho cuộc lễ được mười phần như ý. Đáng đề cao hơn hết là nhân dịp cưới của Visàkhà này, Thị trưởng Dhananjaya đã ra lệnh đập bỏ tất cả những nhà cũ của dân trong thành phố Sàketa, để ông xây tặng lại mới hết.

Nói về hồi môn thì bá hộ Dhananjaya đã tặng cho con gái mang về nhà chồng, nhiều trăm cỗ xe chứa đầy tơ lụa, vàng bạc, châu báu, và cả nô bộc. Ông cũng chia của "động sản" cho ái nữ với hơn chục ngàn trâu bò, dê cừu, thậm chí đến đám mục đồng chăn giữ gia súc, ông cũng gởi đi luôn. Và đoàn người đưa dâu là tất cả dâu cũ trong mười bốn ngôi làng thuộc thành phố Sàketa, cộng thêm quan quân của triều đình, cùng với nhân sự phía nhà rể. Thật là một đám cưới vô tiền khoáng hậu. (Theo Túc Sinh truyện

thì Visàkhà kiếp này được sinh ra trong nhung lụa, của cải dồi dào, và kẻ ăn người ở đông đảo như vậy, là nhờ xuyên qua vô lượng kiếp quá khứ, tiền thân nàng đã làm nhiều thiện nghiệp. Nhất là một kiếp nọ, dưới thời giáo lý đức Phật Padumuttara (Tối Thượng Đức), tiền thân Visàkhà đã trọn đời hộ độ vị Chánh đẳng Chánh giác này).

Hôn lễ tại nhà gái vừa chấm dứt, và trước khi đưa con lên xe hoa về phía chồng, bá hộ Dhananjaya còn dặn dò Visàkhà mười điều tâm niệm (Thập thiện) và khuyên nàng phải luôn luôn gìn giữ giới đức cùng tâm hồn quang minh rộng lượng. Ông cũng chỉ định tám giáo thụ tâm phúc đưa dâu, và sau đó bí mật theo dõi hạnh kiểm của Visàkhà, hầu cứu xét những "phần nản" của nhà chồng nhắm vào Visàkhà (nếu có), để ông kịp thời giải quyết.

Còn Visàkhà, tuy chịu cảnh tách rời cha mẹ, nàng rất buồn lòng. Nhưng với nét trầm tĩnh, kiêu diễm, nàng đứng trên xe hoa, diển hành qua các đường phố, trong kính đô Xá Vệ (Savatthi) như một Công chúa đang quang. Rồi khi đến trước cổng nhà chồng, nàng lấy nhiều tiền bạc và đồ vật giá trị trao tặng cho toàn thể dân chúng nghênh đón và chia vui trong ngày lễ vu qui.

[III] Vẫn có nghịch cảnh

Tuy nhiên, sống trên cõi trần, nếu hạnh phúc vật chất chẳng thường xuyên tuyệt đối, thì Visàkhà vẫn không sao tránh khỏi bất hạnh, do ít nhiều va chạm với gia đình bên chồng. Số là cha chồng Visàkhà, đại diện chủ Migàra là một tín đồ nhiệt thành của đạo khổ hạnh lõa thể. Ông chẳng những bản thân tôn thờ ba huynh đệ giáo chủ đạo ấy, mà còn bắt buộc cả nàng dâu cũng phải hầu hạ mấy vị tôn sư khổ hạnh không mặc quần áo này, khiến cho Visàkhà phản ứng mạnh mẽ và công khai từ chối. Kết quả, ba vị giáo chủ lõa thể mất mặt, bèn dạy đệ tử trả Visàkhà về cho cha mẹ. Thoạt đầu đại diện chủ Migàra thâm nghĩ: "Dâu ta là một người con gái chưa đủ tuổi đời, để hiểu thấy giá trị khổ hạnh không cắt tóc cạo râu và không mặc quần áo như thế nào mà tôn kính ba giáo chủ. Bởi tâm nàng còn dính chặt với vẻ đẹp thế gian. Thôi, dần dần rồi ta sẽ thuyết phục nàng".

Một hôm, một Sa môn Phật giáo ngẫu nhiên đứng khất thực trước nhà đại diện chủ nhằm lúc Visàkhà vừa dọn cơm cho cha chồng. Nàng liền nghiêng mình đứng sang một bên, để ông Migàra trông thấy vị khất sĩ mà bỏ thí thực phẩm. Nhưng lão diễn chủ chẳng những không thêm chú ý mà còn tỏ vẻ khinh thường hàng tu sĩ cạo râu, cạo tóc, ăn mặc thô sơ.

Visàkhà thấy vậy bực mình, bèn thưa với vị Sa môn khất sĩ rằng: "Mời Ngài tiến bước sang khất thực nhà khác, vì cha chồng tiện nữ hôm nay, có lẽ ăn hết thực phẩm, chẳng còn gì để chia sót cho ai cả". Nghe câu ấy đại diện chủ Migàra lập tức nổi giận. Ông ra lệnh cho gia nhân tổng cô nàng dâu ra khỏi nhà. Nhưng các tôi tớ tuy hằng ngày rất khiếp sợ chủ nhân, chẳng hiểu sao trước mặt Visàkhà, tất cả đồng thanh từ chối, không tuân lệnh Migàra. Lờ qua tiếng lại sau đó lan rộng ra tất cả mọi người. Và tám giáo thụ tâm phúc, được Dhananjaya chỉ định theo dõi hạnh kiểm của Visàkhà, cũng như điều tra những "phần nản" của đại diện chủ Migàra, phải đứng ra dàn xếp. Sau khi cân nhắc, tám vị kết luận là Visàkhà không đáng trách, không có lỗi gì cả.

Từ ngày ấy, Visàkhà thấy cha chồng càng ngày càng trở nên tâm tối, vì bị bao vây bởi những tu sĩ đạo lõa thể. Họ đã làm cho ông ăn không ngon, ngủ không yên. Tâm hồn Migàra gần như điên loạn, dẫn vật giữa hai đảng, một bên là "hãm dọa" tâm linh của ba vị giáo chủ, và bên kia là thái độ hòa thuận với nàng dâu, cùng kẻ ăn người ở trong nhà. Ông ngờ ngáo, bất lực và suy t đã muốn quỵên sinh.

Trước thảm kịch như thế, Visàkhà giữ tâm thật bình tĩnh. Nàng dịu dàng báo cho cha mẹ chồng và phu quân hay rằng: "Nếu ông đại diện chủ Migàra cứ tiếp tục cố chấp thì nàng bắt buộc phải quay về nương náu với cha mẹ mình. Ngược lại, nếu cha chồng muốn nàng cộng tác để đưa ông cùng gia đình ra khỏi cảnh tà kiến và chia rẽ, thì nàng sẽ ở lại và khuyên ông nên tự kiểm thảo, và mời đức Phật cùng chúng Tăng đến nhà lễ bái cúng dường, nghe pháp".

Khi đại diện chủ Migàra không còn giải pháp nào khác, định cầu hòa với Visàkhà, và làm theo những điều nàng khuyên, thì ba giáo chủ đạo lỏa thê lại hiện đến. Họ dạy ông đại diện chủ đừng đích thân cúng dường "Phật Cồ Đàm" và chư đệ tử, mà hãy để cho gia nhân làm chuyện ấy. Còn ông thì chỉ đến chào hỏi lấy lệ mà thôi. Nhưng lạnh thay, lúc đại diện chủ bước ra gặp Phật, thì đức Thế Tôn bắt đầu thuyết pháp.

Bài pháp của đức Phật đã làm cho ông Migàra tỉnh ngộ, và chỉ trong chốc lát, ông đã cảm thấy một niềm vui sướng, kinh cảm sâu xa. Tâm tư của ông lúc bấy giờ, tự nhiên biến đổi, như một người vừa bước từ ngục tối ra giữa vùng ánh sáng. Ông chợt thấy rõ giá trị hiếm có của kiếp làm người được giàu sang, cũng như con đường luân hồi không thể tránh khỏi trước mặt.

Niềm hoan hỷ đột ngột tràn ngập quả tim ông, ví như làn hơi, nước mát lướt qua, thoa dịu trên da thịt rất nóng, của kẻ lữ hành giữa sa mạc. Mọi tuyệt vọng và tối tăm trong linh hồn ông tức khắc được cởi bỏ, nên trong một phút quá sung sướng, ông đại diện chủ Migàra buột miệng gọi nàng dâu Visàkhà là "Nữ thần Migàra". (Nguyên văn chữ Pàli là "Migàra Mātā" phải dịch là "Hiền mẫu Migàra". Nhưng soạn giả mạn phép chuyển hai chữ "Hiền mẫu" thành "Nữ thần" cho có tôn ti trật tự gia đình. Vì thuật bấy giờ từ ngữ "Mātā" được dùng ám chỉ các nữ thần. Ngay cả ngày hôm nay, toàn thể dân chúng theo Ấn Độ giáo đều xem "bò cái" là một "linh vật", và gọi tượng bò cái là "Mātāji" tức "Đức Mẹ". Chúng tôi xin ghi vào đây, để quý vị tùy nghi tra cứu).

[IV] Người đàn bà mẫu mực - Hộ trì Tam bảo

Sau đó, đời sống của tín nữ Visàkhà và nhà chồng liền trở lại bình thường. Visàkhà sinh đến mười đứa con trai và mười đứa con gái. (Có sách chép nhiều hơn mười nam mười nữ, nhưng không xác định con số bao nhiêu). Và tất cả con trai lẫn con gái của Visàkhà, về sau cũng sinh mỗi người không dưới hai mươi quý tử như mẹ. Rồi dòng giống sai con ấy đã kéo dài đến mười bốn đời mới chấm dứt. Đặc biệt là Visàkhà đã sống trên một trăm hai mươi tuổi với một sức khỏe và sắc đẹp phi thường. Suốt các thời thiếu niên, thanh niên, trung niên, lão niên, và đại trường thọ, người đàn bà đại phúc ấy đã luôn luôn có một sắc diện và thân thể như cô gái mười sáu tuổi xuân (Theo Jātakas).

Túc Sinh truyện (Jātakas) còn ghi rõ: Quả lành này đã do tiền thân Visàkhà tạo ra trong vô lượng kiếp quá khứ, nhất là kiếp nào tiền thân nàng gặp Phật, hay chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng, nàng luôn luôn làm phước và nghe thuyết pháp. Ngay nào tiền thân nàng có dịp nghe được đạo lý từ kim khâu của một bậc Giác Ngộ, thì cả ngày ấy và những ngày hôm sau, tâm hồn nàng tràn ngập vui tươi, phi lạc.

Theo kinh Tăng Nhất Chi A Hàm (A. I. 26) thì thưở sinh thời Visàkhà khỏe mạnh như một con voi: Nàng có thể làm việc liền tay cả ngày, mà không biết mệt. Chương trình sinh hoạt thường nhật của nàng không có vấn đề ngơi nghỉ. Nàng sắp xếp công tác gia đình một cách quân bình và thứ tự, phối hợp với những thì giờ đi chùa cúng dường, nghe kinh và tu tịnh. Khi cha mẹ chồng già yếu, Visàkhà, tuy là nhân vật thứ hai (sau chồng nàng), điều khiển một gia tài khổng lồ. Nhưng trên thực tế, nàng đã Đảm đương tất cả, thay chồng chỉ huy toàn diện.

Tuy nhiên, gánh nặng quản đốc gia đình ấy, vẫn không làm Visàkhà sơ xuất trong việc cúng dường đức Phật, và hộ độ chư Tăng, Ni thường xuyên đầy đủ bằng bốn món vật dụng là thực phẩm, y phục, thuốc men, và chỗ ở tươm tất. Nàng quán xuyên việc nhà khéo léo đến độ hề khi Phật thuyết pháp là nàng có thể đến nghe, mà không ngưng trệ sinh hoạt gia đình.

Cũng trong kinh Tăng Nhất A Hàm (Anguttara Nikàya), chính đức Phật đã tán dương: "Tín nữ Visàkhà là một trong hai người đứng đầu, trong thiện nghiệp hộ trì Tam Bảo vậy". (- Người kia ám chỉ Đại thiện nam Tu Đà Cáp Cô Độc!).

Còn trong Tạng luật (Vinaya Pitaka), quyển IV 161 cũng có một đoạn thuật sự đặc biệt như sau: Một hôm Visàkhà bỏ quên xấu chuỗi ngọc (là nữ trang vu qui của nàng) tại chùa Kỳ Viên, sau khi nghe pháp ra về. Tôn giả A Nan Đà là người đã tìm thấy vật quý, và cẩn thận cất giữ chờ trao lại cho chủ nhân. Visàkhà nhân cơ hội này, liền làm một việc thiện độc đáo: Thay vì khi A Nan Đà trao lại nữ trang, nàng nhận đem về nhà, thì nàng lại công bố bán đấu giá của quý, để lấy tiền cúng dường Tam Bảo. Nhưng điều đáng tiếc là toàn thể kinh đô Xá Vệ (Sàvatthi) chẳng có phú gia nào đủ sức đấu giá với nàng. Rồi cuộc Visàkhà phải tự mình mua lấy xấu chuỗi ngọc với giá cao nhất, rồi dùng tài chánh ấy xây cất một tu viện nằm phía Đông chùa Kỳ Viên (Jeta-vanavihàra), đặt tên là "Đông Viên tự" (Pubbàrama).

Vì ngôi chùa mới này có một sảnh đường rất lớn, và nằm trước cổng vào kinh thành Xá Vệ (Sàvatthi), nên người đương thời còn gọi là "Sảnh Đường Nữ Thân Mìgàra" (Mìgàramātu Pàsàda). Và nhiều đoạn mở đầu của một số kinh nói rằng: "Đức Phật đã thường lui tới sảnh đường này, nhất là trong khoảng 20 năm trước khi nhập Niết bàn. Giống như Phật đã có mặt thường xuyên ở Kỳ Viên tịnh xá, do hai ông bá hộ Cáp Cô Độc và Thái tử Kỳ Đà (Jeta) hiến dâng.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 2](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001